|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hội sở chính/ *Headquarters***  Số 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội/  *89 Lang Ha Street, Dong Da District, Hanoi*  ĐT/*Tel.:* (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867  Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |

**PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VPBANK NEOBIZ PLUS[[1]](#footnote-1)**

***ANNEX ON VPBANK NEOBIZ PLUS SERVICE USE***

*Đính kèm Giấy đề nghị …………………………………….…….……………….. do Khách hàng ký*

*ngày………./………./……… (“Giấy đề nghị”)*

*Attached with the Request for…………………………………………………..…signed by the Customers*

*dated ……/……../………(“The Request”)*

*Phụ lục này cùng với Giấy đề nghị và Điều kiện giao dịch chung có thông tin như nêu tại Phụ lục này tạo thành một bản Hợp đồng mở và sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus hoàn chỉnh giữa VPBank và Khách hàng*

*This Annex, together with the Request, and General Transaction Conditions with information as specified in this Annex constitute a complete Contract on opening an account and using VPBank NeoBiz Plus service between VPBank and the Customers*

|  |
| --- |
| **I. PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG/ *FOR CUSTOMERS*** |
| Chúng tôi đề nghị VPBank đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus (“Dịch vụ”) cho Chúng tôi với nội dung chi tiết như sau:  *We hereby ask VPBank to register VPBank NEOBiz Plus service (the “Service”) for us with the following details*:  **Khách hàng vui lòng điền đầy đủ thông tin tại các mục có gắn dấu** (\*)/***Please fill in all required information in the section marked as (\*)*** |
| **1.** **Đăng ký Dịch vụ và tiện ích(\*) / *Services and utilities registration*** |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Dịch vụ truy vấn/ *Inquiry* | |  | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi[[2]](#footnote-2)/  *Payment and Deposit* | | | |  | Dịch vụ thẻ[[3]](#footnote-3)/*Card Service* | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại (“TTTM”)/  *Trade Finance (“TF”)* | | | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu[[4]](#footnote-4)/ *Virtual Accounts* | |  | Dịch vụ lưu ký chứng khoán/  *Securities Custody* | | |  | Dịch vụ thanh toán Host-to-host4/*Host-to-host paymemt* | |  | Dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu/ *Collections and Receivables management* | | |  | Tiện ích xử lý file từng phần[[5]](#footnote-5)/ *Partial file processing* | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung4/  *Sweeping* | | | Tài khoản thanh toán phí Dịch vụ**(\*)**: | |  | | |   *Current account paying VPBank NeoBiz Plus fees*  Nếu Khách hàng đăng ký dịch vụ truy vấn thông tin tài khoản của Khách hàng mở tại Ngân hàng khác trong Dịch vụ truy vấn và/hoặc dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101) trong Dịch vụ thanh toán, Khách hàng vui lòng điền thông tin TKTT sử dụng dịch vụ này dưới đây:  *If the Customers register for the information inquiry service of Customer's account opened at other banks in the Inquiry Service and/or remote fund transfer (MT101) in the Payment Services, please fill in Customer’s current accounts information to use this service below:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thông tin Tài khoản thanh toán/**  ***Account information*** | | **Thông tin Tài khoản thanh toán/**  ***Account information*** | | | STK/IBAN(\*)/  *Account/IBAN No.* |  | STK/IBAN(\*)/  *Account/IBAN No.* |  | | Tên TK(\*)/  *Account name* |  | Tên TK(\*)/  *Account name* |  | | Ngân hàng(\*)/  *Bank name* |  | Ngân hàng(\*)/  *Bank name* |  | | Mã SWIFT(\*)/  *SWIFT Code* |  | Mã SWIFT(\*)/  *SWIFT Code* |  | | Mã CITAD(\*)/  *CITAD Code* |  | Mã CITAD(\*)/  *CITAD Code* |  | | Ngoại tệ(\*)/  *Currency* |  | Ngoại tệ(\*)/  *Currency* |  | |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*) / *Account, Card, Deposit, Loan registration*** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có[[6]](#footnote-6) *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT[[7]](#footnote-7) đó)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank./ *Applicable to all available current accounts, Cards, Term Deposits, and Loans of Customer 4 (except current accounts that are regsistered at below table for specific services as per Customer’s demand 5) and automatically link future newly-opened current accounts, term deposits, and loans of Customers at VPBank.* |
| Đăng ký khác/ *Other registration*:   |  |  | | --- | --- | | **Dịch vụ/*Service*** | **TKTT/A*ccounts*** | | Dịch vụ truy vấn/ *Inquiry* |  | | Truy vấn số dư tài khoản/ *Balance* |  | | In sổ phụ/*Statement* |  | | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi/*Payment and Deposit* |  | | Chuyển tiền nội bộ/  *Internal Transfer* |  | | Chuyển tiền trong nước/  *Domestic Transfer* |  | | Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* |  | | Chuyển tiền thanh toán hóa đơn/  *Bill Payment Transfer* |  | | Chuyển tiền thanh toán thuế/  *Taxes Payment Transfer* |  | | Thanh toán lương/  *Salary Payment* |  | | Thanh toán theo lô/  *Bulk Payment* |  | | Dịch vụ thanh toán Host-to-host/  *Host-to-host payment* |  | | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu/  *Virtual Accounts* |  | | Dịch vụ quản lý vốn tập trung/  *Sweeping* |  | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có)/ *Notes (if any):*** |
| **3. Đăng ký hạn mức giao dịch/ *Transaction Limit Registration*** |
| Áp dụng hạn mức giao dịch tối đa theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ cho tất cả TKTT, Thẻ và Người sử dụng Dịch vụ, trừ các trường hợp Khách hàng có đăng ký khác theo bảng dưới đây/ *Apply maximum transaction limit for all current accounts, cards, and users following VPBank’s policies in different periods, except other registrations as mentioned at below table:*  *Số tiền (triệu VND)/ Amount (million VND)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hạn mức/**  ***Limit*** | **Dịch vụ/**  ***Service*** | **Số tiền/**  ***Amount*** | **TKTT/Thẻ**  ***Account/Card*** | **Người dùng/**  ***User*** | | Hạn mức ngày/*Daily limit* | Chuyển tiền giữa các TKTT của Khách hàng/  *Own Account Transfer* |  |  |  | | Chuyển tiền đến TKTT khác trong VPBank/  *Transfer within VPBank* |  |  |  | | Chuyển tiền trong nước/  *Domestic Transfer* |  |  |  | | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng/  *Cash payment* |  |  |  | | Chuyển tiền quốc tế/  *International Fund Transfer* |  |  |  | | Thanh toán thuế/  *Taxes payment* |  |  |  | | Thanh toán hóa đơn/  *Bill Payment* |  |  |  | | Thanh toán thẻ/  *Card payment* |  |  |  | | Thư tín dụng (L/C)/  *Letter of Credit* |  |  |  | | Bảo lãnh /  *Guarantee* |  |  |  | | Hạn mức từng lần/ *Individual transaction limit* | Thư tín dụng (L/C)/  *Letter of Credit* |  |  |  | | Bảo lãnh/  *Guarantee* |  |  |  | | Giao dịch đơn/  *Single transaction* |  |  |  | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có)/ *Notes (if any)*:** |
| **4. Đăng ký Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ(\*)/*User Information and entitlements registration*** |
| **4.1 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ/ *User Information and entitlements registration:***  Đồng thời là Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán [[8]](#footnote-8)/ *User is Chief Accountant/Person in charge of Accounting* |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên*/Full name(\*):* | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân/  *Identification documents[[9]](#footnote-9)* **(\*)**: | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issuse***(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | Nơi cấp/  *Place of issue***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến/  *Date of expiry* **(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | Điện thoại di động /  *Mobile***(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email/ *Email***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[10]](#footnote-10)/ Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[11]](#footnote-11)/** ***If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh/  *Date of birth*: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp/  *Occupation*: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ/  *Position*: | | | |  | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có)/  *Tax code (if any)*: | | | | | | | | | |  | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ *Identification information issued by competent State agencies* [[12]](#footnote-12): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú/ *Permanent Address*: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú/  *Residence Status***(\*)***:* | | | | | | | | | |  | | | Cư trú/  *Resident* | | | | | | |  | | | Không Cư trú/  *Non-resident* | | | | | | | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/ *For Foreign Residents in Vietnam:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực/ *Visa/* *Visa substitute document* [[13]](#footnote-13): | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue:* | | |  | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/  *Address of registered residence abroad*: | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/  *Address of registered residence in Vietnam:* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality* [[14]](#footnote-14)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số hộ chiếu/  *Passport number*: | | | | | | | | | |  | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issue:* | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue*: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch/  Residential address in the country of nationality: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng (\*)/ *Function*:  (Chỉ chọn 1 chức năng/ *Choose only 1 function*) | | | | | | | | | | |  | | | | Truy vấn/ *Inquiry* | | | |  | | | | | Lập lệnh/ *Maker* | | | |  | | | | Duyệt lệnh/  *Approver* | | | | | |  | | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[15]](#footnote-15)/  *Self-approver* | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[16]](#footnote-16)/ *Approving oder*: | | | | | | | | |  | | Xác thực khi đăng nhập/:  *Log in authentication:* | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP/  *Email OTP/SMS OTP* | | | | | | | | | | | |  | Không sử dụng/  *None* | | | | | | | | | | | Phương thức xác thực giao dịch áp dụng đối với duyệt lệnh: Mặc định áp dụng Soft OTP nâng cao. Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm Phương thức xác thực giao dịch là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *Transaction authentication method used for Approver: Advanced Soft OTP is applied by default.* *If Customers need to register an additional authentication method such as digital signature, please check the box to select:* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | Chữ ký số (Người dùng Duyệt Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên Hệ thống CMP theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người dùng Duyệt lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên Hệ thống CMP). / *Digital signature (Order Approver registers digital signature for the first time/additional registration/information change/ cancellation/ suspension/termination of digital signature on the CMP system according to VPBank's instructions in different periods. This digital signature is used for the Order Approver to authenticate transactions and sign documents on the CMP system.)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**/*Applicable services and utilities:*  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này./ *All services as registered at Section 1 – Part 1, this Annex.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:/ *If Customers needs other registraton, please select below:*** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn/ *All inquiry service* | | | | |  | | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi/ *All payment and deposit* | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung/*Sweeping* | | | |  |  | | | Số dư/  *Balance* | |  | |  | Chuyển tiền nội bộ/  *Internal Transfer* | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu/ *Virtual Accounts* | | | |  |  | | | Tiền gửi/  *Deposit* | |  | |  | Chuyển tiền trong nước/*Domestic*  *Transfer* | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host/ *Host-to-host payment* | | | |  |  | | | In sổ phụ/  *Statement* | |  | |  | Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  Khoán/*Securites Custody* | | | |  |  | | | Khoản vay/  *Loan* | |  | |  | Điều tiền ngoài hệ thống (MT101)/  *Remote fund Transfer* *(MT101)* | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu/*Collections and Receivables Management* | | | |  | Dịch vụ Thẻ/ *Card service* | | | | |  | |  | Thanh toán hóa đơn/ *Bill Payment* | |  |  | Dịch vụ thu hộ/ *Collections* | | |  |  | | |  | |  | |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng/ *Cash payment* | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu/ *Receivables Management* | |  | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán lương/ *Salary Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán theo lô/  *Bulk Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thuế/ *Taxes payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi / *Deposit Initiation/ Redemption* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thẻ tín dụng/ *Credit card payment* | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[17]](#footnote-17)/ *Trade Finance* | | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây/ *In case of an Approver, please select one of the functions and limits of the Approver below:* | | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | Xác nhận/  *Verifier:* |  | | |  | Duyệt đơn/ *Approver*: |  |  | Duyệt kép/ *Dual Approver*: | |  | | | TKTT được quyền truy cập[[18]](#footnote-18)/ *Current accounts used:* | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng./ *All available current accounts of Customers at VPBank and automatically link newly opened accounts in the future.* | | | | | | | | | | | | |  |  | | Khác/*Others:* | | | |  | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[19]](#footnote-19)/ *Mask specific salary amount in salary file.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.2 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ *User Information and entitlements registration*** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên*/Full name(\*):* | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân/  *Identification documents[[20]](#footnote-20)* **(\*)**: | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issuse***(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | Nơi cấp/  *Place of issue***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến/  *Date of expiry* **(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | Điện thoại di động /  *Mobile***(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email/ *Email***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[21]](#footnote-21)/ Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use.***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[22]](#footnote-22)/** ***If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh/  *Date of birth*: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp/  *Occupation*: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ/  *Position*: | | | |  | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có)/  *Tax code (if any)*: | | | | | | | | | |  | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ *Identification information issued by competent State agencies* [[23]](#footnote-23): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú/ *Permanent Address*: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú/  *Residence Status***(\*)***:* | | | | | | | | | |  | | | Cư trú/  *Resident* | | | | | | |  | | | Không Cư trú/  *Non-resident* | | | | | | | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/ *For Foreign Residents in Vietnam:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực/ *Visa/* *Visa substitute document* [[24]](#footnote-24): | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue:* | | |  | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/  *Address of registered residence abroad*: | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/  *Address of registered residence in Vietnam:* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality* [[25]](#footnote-25)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số hộ chiếu/  *Passport number*: | | | | | | | | | |  | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issue:* | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue*: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch/  Residential address in the country of nationality: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng (\*)/ *Function*:  (Chỉ chọn 1 chức năng/ *Choose only 1 function*) | | | | | | | | | | |  | | | | Truy vấn/ *Inquiry* | | | |  | | | | | Lập lệnh/ *Maker* | | | |  | | | | Duyệt lệnh/  *Approver* | | | | | |  | | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[26]](#footnote-26)/  *Self-approver* | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[27]](#footnote-27)/ *Approving oder*: | | | | | | | | |  | | Xác thực khi đăng nhập/:  *Log in authentication:* | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP/  *Email OTP/SMS OTP* | | | | | | | | | | | |  | Không sử dụng/  *None* | | | | | | | | | | | Phương thức xác thực giao dịch áp dụng đối với duyệt lệnh: Mặc định áp dụng Soft OTP nâng cao. Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm Phương thức xác thực giao dịch là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *Transaction authentication method used for Approver: Advanced Soft OTP is applied by default.* *If Customers need to register an additional authentication method such as digital signature, please check the box to select:* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | Chữ ký số (Người dùng Duyệt Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên Hệ thống CMP theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người dùng Duyệt lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên Hệ thống CMP). / *Digital signature (Order Approver registers digital signature for the first time/additional registration/information change/ cancellation/ suspension/termination of digital signature on the CMP system according to VPBank's instructions in different periods. This digital signature is used for the Order Approver to authenticate transactions and sign documents on the CMP system.)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**/*Applicable services and utilities:*  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này./ *All services as registered at Section 1 – Part 1, this Annex.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:/ *If Customers needs other registraton, please select below:*** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn/ *All inquiry service* | | | | |  | | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi/ *All payment and deposit* | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung/*Sweeping* | | | |  |  | | | Số dư/  *Balance* | |  | |  | Chuyển tiền nội bộ/  *Internal Transfer* | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu/ *Virtual Accounts* | | | |  |  | | | Tiền gửi/  *Deposit* | |  | |  | Chuyển tiền trong nước/*Domestic*  *Transfer* | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host/ *Host-to-host payment* | | | |  |  | | | In sổ phụ/  *Statement* | |  | |  | Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  Khoán/*Securites Custody* | | | |  |  | | | Khoản vay/  *Loan* | |  | |  | Điều tiền ngoài hệ thống (MT101)/  *Remote fund Transfer* *(MT101)* | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu/*Collections and Receivables Management* | | | |  | Dịch vụ Thẻ/ *Card service* | | | | |  | |  | Thanh toán hóa đơn/ *Bill Payment* | |  |  | Dịch vụ thu hộ/ *Collections* | | |  |  | | |  | |  | |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng/ *Cash payment* | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu/ *Receivables Management* | |  | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán lương/ *Salary Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán theo lô/  *Bulk Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thuế/ *Taxes payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi / *Deposit Initiation/ Redemption* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thẻ tín dụng/ *Credit card payment* | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[28]](#footnote-28)/ *Trade Finance* | | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây/ *In case of an Approver, please select one of the functions and limits of the Approver below:* | | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | Xác nhận/  *Verifier:* |  | | |  | Duyệt đơn/ *Approver*: |  |  | Duyệt kép/ *Dual Approver*: | |  | | | TKTT được quyền truy cập[[29]](#footnote-29)/ *Current accounts used:* | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng./ *All available current accounts of Customers at VPBank and automatically link newly opened accounts in the future.* | | | | | | | | | | | | |  |  | | Khác/*Others:* | | | |  | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[30]](#footnote-30)/ *Mask specific salary amount in salary file.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.3 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ/ *User Information and entitlements registration*** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên*/Full name(\*):* | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân/  *Identification documents[[31]](#footnote-31)* **(\*)**: | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issuse***(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | Nơi cấp/  *Place of issue***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến/  *Date of expiry* **(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | Điện thoại di động /  *Mobile***(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email/ *Email***(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[32]](#footnote-32)/ Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[33]](#footnote-33)/** ***If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh/  *Date of birth*: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp/  *Occupation*: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ/  *Position*: | | | |  | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có)/  *Tax code (if any)*: | | | | | | | | | |  | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ *Identification information issued by competent State agencies* [[34]](#footnote-34): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú/ *Permanent Address*: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú/  *Residence Status***(\*)***:* | | | | | | | | | |  | | | Cư trú/  *Resident* | | | | | | |  | | | Không Cư trú/  *Non-resident* | | | | | | | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/ *For Foreign Residents in Vietnam:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực/ *Visa/* *Visa substitute document* [[35]](#footnote-35): | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue:* | | |  | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/  *Address of registered residence abroad*: | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/  *Address of registered residence in Vietnam:* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality* [[36]](#footnote-36)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số hộ chiếu/  *Passport number*: | | | | | | | | | |  | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issue:* | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue*: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch/  Residential address in the country of nationality: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng (\*)/ *Function*:  (Chỉ chọn 1 chức năng/ *Choose only 1 function*) | | | | | | | | | | |  | | | | Truy vấn/ *Inquiry* | | | |  | | | | | Lập lệnh/ *Maker* | | | |  | | | | Duyệt lệnh/  *Approver* | | | | | |  | | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[37]](#footnote-37)/  *Self-approver* | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[38]](#footnote-38)/ *Approving oder*: | | | | | | | | |  | | Xác thực khi đăng nhập/:  *Log in authentication:* | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP/  *Email OTP/SMS OTP* | | | | | | | | | | | |  | Không sử dụng/  *None* | | | | | | | | | | | Phương thức xác thực giao dịch áp dụng đối với duyệt lệnh: Mặc định áp dụng Soft OTP nâng cao. Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm Phương thức xác thực giao dịch là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *Transaction authentication method used for Approver: Advanced Soft OTP is applied by default.* *If Customers need to register an additional authentication method such as digital signature, please check the box to select:* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | Chữ ký số (Người dùng Duyệt Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên Hệ thống CMP theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người dùng Duyệt lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên Hệ thống CMP). / *Digital signature (Order Approver registers digital signature for the first time/additional registration/information change/ cancellation/ suspension/termination of digital signature on the CMP system according to VPBank's instructions in different periods. This digital signature is used for the Order Approver to authenticate transactions and sign documents on the CMP system.)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**/*Applicable services and utilities:*  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này./ *All services as registered at Section 1 – Part 1, this Annex.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:/ *If Customers needs other registraton, please select below:*** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn/ *All inquiry service* | | | | |  | | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi/ *All payment and deposit* | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung/*Sweeping* | | | |  |  | | | Số dư/  *Balance* | |  | |  | Chuyển tiền nội bộ/  *Internal Transfer* | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu/ *Virtual Accounts* | | | |  |  | | | Tiền gửi/  *Deposit* | |  | |  | Chuyển tiền trong nước/*Domestic*  *Transfer* | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host/ *Host-to-host payment* | | | |  |  | | | In sổ phụ/  *Statement* | |  | |  | Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  Khoán/*Securites Custody* | | | |  |  | | | Khoản vay/  *Loan* | |  | |  | Điều tiền ngoài hệ thống (MT101)/  *Remote fund Transfer* *(MT101)* | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu/*Collections and Receivables Management* | | | |  | Dịch vụ Thẻ/ *Card service* | | | | |  | |  | Thanh toán hóa đơn/ *Bill Payment* | |  |  | Dịch vụ thu hộ/ *Collections* | | |  |  | | |  | |  | |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng/ *Cash payment* | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu/ *Receivables Management* | |  | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán lương/ *Salary Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán theo lô/  *Bulk Payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thuế/ *Taxes payment* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi / *Deposit Initiation/ Redemption* | |  |  | | | |  |  | | |  | |  | |  | Thanh toán thẻ tín dụng/ *Credit card payment* | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[39]](#footnote-39)/ *Trade Finance* | | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây/ *In case of an Approver, please select one of the functions and limits of the Approver below:* | | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | Xác nhận/  *Verifier:* |  | | |  | Duyệt đơn/ *Approver*: |  |  | Duyệt kép/ *Dual Approver*: | |  | | | TKTT được quyền truy cập[[40]](#footnote-40)/ *Current accounts used:* | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng./ *All available current accounts of Customers at VPBank and automatically link newly opened accounts in the future.* | | | | | | | | | | | | |  |  | | Khác/*Others:* | | | |  | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[41]](#footnote-41)/ *Mask specific salary amount in salary file.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có)/ Notes (if any):** |
| **5. Đăng Ký Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus[[42]](#footnote-42)/ R*egistration user VPBank NEOBiz Plus Admin***  **5.1 Thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus/ *User VPBank NEOBiz Plus Admin*** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**/*Full name*: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân/  *Identification documents[[43]](#footnote-43)* **(\*)**: | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issuse***(\*)**: | | | | | | | |  | | | Nơi cấp/  *Place of issue***(\*)**: | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | Có giá trị đến/  *Date of expiry* **(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | Điện thoại di động /  *Mobile***(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email/  *Email***(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[44]](#footnote-44)/ Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use.***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[45]](#footnote-45)/** ***If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh/  *Date of birth*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp/  *Occupation*: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ/  *Position*: | | | | |  | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có)/  *Tax code (if any)*: | | | | | | | | |  | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ *Identification information issued by competent State agencies* [[46]](#footnote-46): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | |  | | | | Địa chỉ thường trú/ *Permanent Address*: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú/  *Residence Status***(\*)***:* | | | | | | | | | |  | | | Cư trú/  *Resident* | | | | | |  | | | Không Cư trú/  *Non-resident* | | | | | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/ *For Foreign Residents in Vietnam:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực/ *Visa/* *Visa substitute document* [[47]](#footnote-47): | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue:* | |  | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/  *Address of registered residence abroad*: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/  *Address of registered residence in Vietnam:* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality* [[48]](#footnote-48)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Số hộ chiếu/  *Passport number*: | | | | | | | | | |  | | | | Ngày cấp/  *Date of issue:* | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực/  *Date of expiry*: | | | | | | | | | | |  | | | Nơi cấp/  *Place of issue*: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch/  Residential address in the country of nationality: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | Xác thực khi đăng nhập:  *Log in authentication:* | | | | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP/ *Email OTP/SMS OTP* | | | | | | | | | |  | | Không sử dụng/  *None* | | | | |
| **5.2 Thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus/ *User VPBank NEOBiz Plus Admin*** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**/*Full name*: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân/  *Identification documents[[49]](#footnote-49)* **(\*)**: | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | Ngày cấp/  *Date of issuse***(\*)**: | | | | | | | |  | | | Nơi cấp/  *Place of issue***(\*)**: | | | | |  | | | | | | |  | | | | | | | Có giá trị đến/  *Date of expiry* **(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | Điện thoại di động /  *Mobile***(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email/  *Email***(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[50]](#footnote-50)/ Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use.***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[51]](#footnote-51)/** ***If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh/  *Date of birth*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp/  *Occupation*: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ/  *Position*: | | | | |  | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có)/  *Tax code (if any)*: | | | | | | | | |  | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ *Identification information issued by competent State agencies* [[52]](#footnote-52): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | |  | | | | Địa chỉ thường trú/ *Permanent Address*: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú/  *Residence Status***(\*)***:* | | | | | | | | | |  | | | Cư trú/  *Resident* | | | | | |  | | | Không Cư trú/  *Non-resident* | | | | | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/ *For Foreign Residents in Vietnam:*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực/ *Visa/* *Visa substitute document* [[53]](#footnote-53): | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp/  *Place of issue:* | |  | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn/  *Date of expiry*: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/  *Address of registered residence abroad*: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/  *Address of registered residence in Vietnam:* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality* [[54]](#footnote-54)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch/  *Nationality:* | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Số hộ chiếu/  *Passport number*: | | | | | | | | | |  | | | | Ngày cấp/  *Date of issue:* | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực/  *Date of expiry*: | | | | | | | | | | |  | | | Nơi cấp/  *Place of issue*: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch/  Residential address in the country of nationality: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | Xác thực khi đăng nhập:  *Log in authentication:* | | | | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP/ *Email OTP/SMS OTP* | | | | | | | | | |  | | Không sử dụng/  *None* | | | | |
| **6. Nguyên tắc phê duyệt giao dịch**/ ***Approval workflow rule***  **6.1 Nguyên tắc phê duyệt cho các dịch vụ đăng ký tại Phụ lục này, ngoại trừ Dịch vụ TTTM/*Approval rule for services registered in this Annex, except for the Trade Finace.*** |
| * Mặc định nguyên tắc phê duyệt giao dịch tự động áp dụng cho các TKTT, Thẻ, Khoản tiền gửi được mở mới sau này của Khách hàng tại VPBank/ By default, the transaction approval principle automatically applies to new opened Current Accounts, Cards, and Deposits of the customer at VPBank * Thứ tự phê duyệt/ Approving order: (i) Trường hợp Khách hàng đăng ký thứ tự duyệt lệnh của từng Người sử dụng Dịch vụ: Giao dịch sẽ được duyệt theo thứ tự duyệt lệnh mà Khách hàng đã đăng ký/*If Customers register Approving order for each Service User: Transactions shall be approved in the oder according to Customers’ registration*; (ii) Trường hợp Khách hàng không đăng ký thứ tự duyệt lệnh của từng Người sử dụng Dịch vụ: Giao dịch sau khi được khởi tạo sẽ được hiển thị đến tất cả các Người sử dụng Dịch vụ có chức năng duyệt lệnh mà Khách hàng đăng ký để duyệt mà không phân biệt thứ tự duyệt/ *If Customers do not register approving order for each Service User: After submission, transactions shall be sent to all Service Users with function Approver regardless of approving order*. * Trường hợp Khách hàng có nhu cầu đăng ký các nguyên tắc phê duyệt khác, vui lòng điền chi tiết vào bảng dưới đây/ If the customer registers different approval principles, please fill out the details in the table below.   (Nguyên tắc phê duyệt khác này không tự động áp dụng cho các TKTT, Thẻ, Tiền gửi mở mới của Khách hàng tại VPBank, Quý khách hàng vui lòng đăng ký nguyên tắc phê duyệt cho các TKTT, Thẻ, Tiền gửi mở mới tại thời điểm mở. / *This different approval principle does not automatically apply to new opened Current Accounts, Cards, Deposits of the customer at VPBank. Please register the approval principle for new opened Current Accounts, Cards, Deposits at the time of opening*.)  (Số tiền/ *Amount:* triệu đồng/*million VND*)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Áp dụng cho/ *Applicable for*** | | **Số lượng người duyệt/*No. of Approvers*** | **Số tiền/**  ***Amount*** | | **Người dùng duyệt lệnh/**  ***Approver user*** | | **Dịch vụ/**  ***Services*** | **TKTT/**  ***Account*** | **Từ/ *From*** | **Đến/*To*** | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có)/ *Notes (if any):*** |
| **6.2 Nguyên tắc phê duyệt áp dụng cho Dịch vụ TTTM/ *Approval rule for Trade Finance Service*** |
| * Thứ tự phê duyệt/*Approving order*: Giao dịch sẽ được thực hiện theo thứ tự bởi Người dùng có chức năng tương ứng như sau/*Transactions shall be performed in order by Users with corresponding functions as follows*: (i) Trường hợp Khách hàng đăng ký luồng duyệt giao dịch không có xác nhận giao dịch: lập lệnh bởi Người dùng lập lệnh có chức năng khởi tạo giao dịch, duyệt lệnh bởi (các) Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng;/*In case the Customers register for the transaction approval workflow without transaction confirmation: transactions are made by the maker User(s) with the function of creating transactions, approving orders by the order approver User(s) with the function of approving transactions to send to the bank;* **hoặc/*****or*** (ii) Trường hợp Khách hàng đăng ký luồng duyệt giao dịch có xác nhận giao dịch: lập lệnh bởi Người dùng lập lệnh có chức năng khởi tạo giao dịch, xác nhận lệnh bởi Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận giao dịch, duyệt lệnh bởi (các) Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng/*In case the Customers register for the transaction approval workflow with transaction confirmation: transactions are made by the maker User(s) with the function of creating transactions, confirming transactions by the verifier User(s) with the function of confirming transactions, approving orders by the approver User(s) with the function of approving transactions to send to the bank*. * Khách hàng có thể lựa chọn đăng ký phê duyệt giao dịch và số lượng Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch như sau/*The Customers may choose to register for transaction approval and the number of order approver Users with the function of approving transactions as follows*: (i) Duyệt đơn: Lệnh giao dịch được phê duyệt bởi 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng/ *Single approving: Transaction orders are approved by 1 order approver user with the function of approving transactions to send to bank*; (ii) Duyệt kép: Lệnh giao dịch được phê duyệt bởi 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch với thẩm quyền ngang nhau để gửi tới ngân hàng/ *Dual approval: Transaction orders are approved by 2 order approver Users with the function of approving transactions with equal authority to send to the bank*. |
| **7. Ủy quyền sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus/*Authorization to use VPBank NEOBiz Plus*** |
| 7.1 Người ủy quyền: Chủ Tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán mà Khách hàng đã đăng  ký cho việc sử dụng Tài khoản thanh toán/ *Authorizer:* *Account Holder, Chief Accountant/Person in charge of accounting, who are registered to use Customer’s current accounts.*  7.2 Người được ủy quyền: Là những Người sử dụng Dịch vụ được đăng ký và có thông tin tại Mục 4 – Phần I của Phụ lục này/ *Authorized persons: are Users who are registered and have their information specified in Section 4 – Part I of this Annex*.  7.3 Nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền/ *Content, scope, and time limit for authorization*:   * 1. Người được ủy quyền được thực hiện các công việc cụ thể theo các chức năng đã đăng ký tại Mục 4 – Phần I của Phụ lục này phù hợp với hạn mức giao dịch, nguyên tắc phê duyệt giao dịch của Khách hàng tại Phụ lục này và các phụ lục đăng ký thay đổi (nếu có);/ *The Authorized Person is entitled to perform tasks registered at Section 4 – Part I of this Annex in accordance with the transaction limits and transaction approval rules of Customers in the Annex and annexes registerred for change (if any);*   2. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được ủy quyền. /*The Authorized Person is not allowed to subauthorize another person to carry out the authorized tasks*.   3. Việc hủy bỏ, thay thế ủy quyền sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus không làm chấm dứt trách nhiệm của Người được ủy quyền đối với các giao dịch do Người được ủy quyền đó đã thực hiện trên Hệ thống CMP. /*The cancellation or replacement of the authorization to use VPBank NEOBiz Plus shall not terminate the responsibilities of the Authorized Person to transactions made by such Authorized Person on the CMP System*   4. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Khách hàng được VPBank chấp thuận tại **Phần II – Phần dành cho VPBank** của Giấy đề nghị, cho đến khi VPBank nhận được văn bản hủy bỏ/thay thế của Người ủy quyền và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận.   *This authorization shall take effect from the date on which the Customers are approved by VPBank in* ***Part II – For VPBank Use Only*** *in the Request, until VPBank receives the written cancellation/replacement from the Authorizer and such amendments are accepted by VPBank*.  7.4 Người ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do Người được ủy quyền xác lập trên Hệ thống CMP trong phạm vi ủy quyền và xác nhận/ *The Authorizer shall take responsibility to the law for transactions made by the Authorized Person within the scope of authorization and confirm that they*:   * 1. Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. /*Understand their rights, obligations, and interests, as well as the legal consequences of the authorization*.   2. Đồng ý với mọi nội dung ủy quyền tại Phụ lục này và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp nào đối với VPBank liên quan đến việc VPBank thực hiện các giao dịch trên Hệ thống CMP. /*Agree with all authorization content in this Annex and shall not claim, sue or dispute VPBank in relation to transactions made by it on the CMP System*. |
| **8. Cam kết của Khách hàng/ *Customer’s Commitment*** |
| Bằng việc ký vào Giấy đề nghị, Chúng tôi cam kết/ *By signing the Request, we hereby warrant that*:  8.1 Chúng tôi đồng ý sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus do VPBank cung cấp trên Hệ thống CMP. /*We agree to use the VPBank NEOBiz Plus provided by VPBank on the CMP System.*  8.2 Trường hợp Chúng tôi đăng ký Dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101), bằng việc ký Giấy đề nghị, Chúng tôi đồng ý ủy quyền/ chỉ định cho VPBank gửi yêu cầu, lệnh chuyển tiền của Chúng tôi khởi tạo trên Hệ thống CMP tới Ngân hàng nơi mở các TKTT có thông tin như đăng ký tại Mục 1, Phần I của Phụ Lục này thông qua hệ thống SWIFT. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Chúng tôi được VPBank chấp thuận tại **Phần II – Phần dành cho VPBank** của Giấy đề nghị, cho đến khi VPBank nhận được văn bản đề nghị chấm dứt sử dụng Dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101) và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận./ *In case we register for remote transfer transfer service (MT101), by signing the Request, we agree to authorize/designate VPBank to send our request and money transfer order to be created on the CMP System to the Bank where the current accounts are opened with information as registered in Section 1, Part I of this Annex through the SWIFT system. This authorization is effective from the date we receive VPBank's approval in* ***Part II - Part for VPBank*** *of the Request, until VPBank receives a written request to terminate the use of remote fund transfer service (MT101) and these changes have been approved by VPBank.*  8.3 Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và được tư vấn giải thích đầy đủ nội dung của (i) Các điều khoản và điều kiện liên quan đến cung cấp và sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus (bao gồm điều khoản, điều kiện chung và điều khoản, điều kiện riêng, …) của Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng các dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng tổ chức tại VPBank, (ii) Điều kiện giao dịch chung về đăng ký và sử dụng phương thức xác thực VPBank Smart OTP(sau đây (i) và (ii) gọi chung là “**Điều kiện giao dịch chung**”) được VPBank công bố trên website chính thức của VPBank (http://www.vpbank.com.vn), (iii) Giấy đề nghị và Phụ lục này. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với các điều khoản, điều kiện này, bao gồm cả biểu phí dịch vụ của VPBank. /*We confirm that we have read, understood and given full explanations for the content of the (i) Terms and Conditions on the provision and use of VPBank NEOBiz Plus Service (including general terms and conditions and separate terms and conditions, etc.) of the General Transaction Conditions on the provision and use of non-credit services applicable to Institutional Customers of VPBank, (ii) General Transaction Conditions on the registration and use of VPBank Smart OTP authentication method (we hereinafter refer to (i) and (ii) as the “****General Transaction Conditions****”), announced by VPBank on its official website (*[*http://www.vpbank.com.vn*](http://www.vpbank.com.vn)*), (iii) the Request and this Annex. We fully agree with these terms and conditions, including the service fee schedule of VPBank.*  8.4 Các điều khoản và điều kiện tại Giấy đề nghị, Phụ lục này và Điều kiện giao dịch chung đã đảm bảo được sự bình đẳng giữa Chúng tôi và VPBank trong các giao dịch về sản phẩm, dịch vụ này. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị, Chủ tài khoản, Người đại diện hợp pháp, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (i) cam kết đồng ý/tuân thủ các điều khoản, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung, bao gồm cả điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất cứ bên nào và (ii) chấp nhận, cam kết tuân thủ điều kiện giao dịch chung liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến, bao gồm cả Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus áp dụng với Khách hàng tổ chức do VPBank công bố từng thời kỳ./*The terms and conditions of the Request, this Annex and the General Transaction Conditions have ensured equality between Us and VPBank in transactions related to this product/service. By signing the Request, the Account Holder, Legal Representative and Chief Accountant/Person in charge of Accounting (i) warrant the agreement/compliance with the terms and conditions of the General Transaction Conditions, including those on disclaimers of liability for each party, increase or removal of legitimate interests of any parties, and (ii) accept and comply with the general transaction conditions regarding the provision and use of VPBank NEOBiz Plus Service applicable to Institutional Customers, announced by VPBank from time to time*.  8.5 Chúng tôi đảm bảo các thông tin cung cấp cho VPBank là đầy đủ và chính xác, đồng thời có nghĩa vụ cập nhật và thông báo cho VPBank những thay đổi về thông tin đã đăng ký trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thay đổi. /*We ensure the sufficiency and accuracy of information provided for VPBank, and we are obliged to update and notify VPBank of changes in registered information within a maximum duration of 30 (thirty) days from the date of such changes*.  8.6 Chúng tôi xác nhận đã hiểu rõ rằng Hợp đồng sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus giữa Chúng tôi và VPBank được cấu thành bởi (i) Giấy đề nghị (đã có chấp thuận của VPBank), (ii) Phụ lục này và (iii) Điều kiện giao dịch chung. /*We confirm that we fully understand that the Contract on Use of VPBank NEOBiz Plus Service between Us and VPBank is constituted by the (i) Request (with VPBank's approval), (ii) this Annex, and (iii) the General Transaction Conditions*.  8.7 Chúng tôi đồng ý rằng VPBank có thể chủ động thực hiện việc điều chỉnh, phát triển bổ sung, thay thế các sản phẩm, dịch vụ, tính năng được cung ứng trên Hệ thống CMP theo chính sách của VPBank từng thời kỳ. Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, điều kiện, thủ tục, … theo quy định của VPBank khi tham gia sử dụng các sản phẩm, dịch vụ này./ *We agree that VPBank can proactively adjust, make additional development, or substitute products, services, and features provided via the CMP system in accordance with VPBank's policy from time to time. We warrant full compliance with requirements, conditions, procedures, etc., as prescribed by VPBank when using such products and services*. |
| **II. PHẦN DÀNH CHO VPBANK/ *FOR VPBANK*** |
| VPBank chấp thuận đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus theo đề nghị nêu trên của Khách hàng/ *VPBank accepts the registration on VPBank NeoBiz Plus Service Use upon the above request of the Customer*.  Vào hồi/*At*: ……….h ………. Ngày/*on* ………………………..………….  Mã Khách hàng/ *Customer Information File (CIF)*: ……………………………………………………… |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU**

***INSTRUCTIONS FOR USING THE FORM***

1. **TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG/ *SCOPE OF APPLICATION***

**1.** Áp dụng cho trường hợp KH đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus ngoài các nhu cầu theo …. có thêm các nhu cầu chi tiết liệt kê tại phần nội dung Phụ lục này/ *Applicable for Customers who register to use VPBank NEOBiz Plus Service have additional detailed needs listed in the content of this Annex other than the needs according to.........*

**2.** Mẫu biểu này được sử dụng là Phụ lục của (i) Giấy đề nghị đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ; hoặc (ii) Giấy đề nghị đăng ký dịch vụ.

*This form is used as the Annex of the (i) Proposal Cum Contract for Using Services; or (ii) Service Application Form*.

1. **HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO PHẦN NỘI DUNG/ *INSTRUCTIONS ON HOW TO WRITE THE CONTENT***
2. **Phần tên của Phụ lục**: Đơn vị điền tên Giấy đề nghị tại Mục “*Đính kèm Giấy đề nghị……………………………….. do Khách hàng ký ngày………./………./………”* đầy đủ theo đúng loại Giấy đề nghị mà Phụ lục đính kèm.

***The name of the Annex****: The Unit fills in the Request name in the Section “Attached with Request for ……………………………….. signed by Customer on ………./………./………* “ *in accordance with the Request type attached with the Annex*.

1. **Mục 1**: **Hướng dẫn** **Đăng ký dịch vụ và tiện ích**

***Section 1: Instructions on how to register Services and Utilities:***

a) Khách hàng tích chọn các dịch vụ, tiện ích tương ứng theo nhu cầu sử dụng. Dịch vụ truy vấn mặc định đi kèm với Dịch vụ Tài trợ thương mại. Nếu KH cần đăng ký thêm nhiều TKTT hơn số lượng bảng hiện có trong mẫu biểu, copy thêm ô Thông tin TKTT.

*The Customer chooses corresponding services and utilities as per Customer’s needs. The default inquiry service comes with the Trade Finance Service. If the Customer needs to register more current accounts than the number of tables currently available in the form, please copy and insert Account Information box and fill in.*

b) Tại bảng đăng ký thông tin TKTT cho dịch vụ truy vấn số dư và giao dịch trên TKTT mở tại Ngân hàng khác, nếu TKTT của Khách hàng được mở tại Ngân hàng ở các nước thuộc Châu Âu và UAE, Khách hàng cần bắt buộc cung cấp số IBAN

*At the current account information registration table for balance and transaction inquiry service for current accounts opened at other banks, if the Customer's current accounts are opened at a bank in European and UAE countries, IBAN is mandatory to provide at the table.*

Ví dụ số IBAN có dạng như sau/ *For example, the IBAN format is as belows:*

* Anh/ *United Kingdom*: GB33BUKB20201555555555 (22 ký tự/ *(22 characters)*
* UAE/*UAE*: AE460090000000123456789 (23 ký tự/*23 characters)*

1. **Mục 2**: **Hướng dẫn** **Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*)**

**Section 2: *Instructions on how to register current accounts, Cards, Deposits, and Loans to use the Service* (\*)**

1. **Nếu áp dụng cho tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này và không có đăng ký khác thì tích chọn như sau/*****If applicable to all available current Accounts, Cards, Deposits, and Loans and automatically link newly-opened current Accounts, Cards, Deposits, and Loans in the future and have no other registration, please choose as follows:***

|  |
| --- |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*) */ Register Current Accounts, Cards, Deposits, and Loans to use the Service*** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có5 *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT6 đó)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank*/ Applicable to all available current accounts, Cards, Deposits, Loans5 (except for the current accounts that are registered at below table mentioned in the table below for the corresponding services as per Customer’s demand 6) and automatically link newly-opened current accounts, cards, deposits, and loans in the future at VPBank.* |

1. **Nếu Khách hàng đang có nhiều TKTT và Khách hàng có lựa chọn dịch vụ cho một/một số hoặc tất cả TKTT đó, đồng thời vẫn tự động liên kết với TKTT Khách hàng mở mới sau này thì tích chọn như sau *(ví dụ: TKTT hiện hữu là 12345678A, 12345678B và 234567890, trong đó 12345678A áp dụng cho tất cả các Dịch vụ, còn 12345678B và 234567890 chỉ áp dụng cho Dịch vụ truy vấn)/ In case the Customer has many accounts and only chooses few for specific services, at the same time, the Customer still wants to automatically link newly opened accounts for registered services, please choose as below (for example: the Customer has these accounts: 12345678A, 12345678B và 234567890, of which 12345678A is used for all services, 12345678B and 234567890 are used for Inquiry only):***

|  |
| --- |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”)/ Thẻ sử dụng Dịch vụ (\*)/*Current Account/Card registration*** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có 5 *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT đó6)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank/*Applicable to all available current accounts, Cards, Deposits, Loans5 (except for the current accounts that are registered at below table mentioned in the table below for the corresponding services as per Customer’s demand 6) and automatically link newly-opened current accounts, cards, deposits, and loans in the future at VPBank* |
| Đăng ký khác/*Other registration:*   |  |  | | --- | --- | | **Dịch vụ/ *Services*** | **TKTT/ *Current Accounts*** | | Dịch vụ truy vấn/ *Inquiry* |  | | Truy vấn số dư tài khoản/ *Balance Inquiry* | 12345,67890, | | In sổ phụ/ *Statement* |  | | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi/ *Payment and Deposit Service* |  | | Chuyển tiền nội bộ/  *Internal Transfer* |  | | Chuyển tiền trong nước/  *Domestic Transfer* |  | | Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* |  | | Chuyển tiền thanh toán hóa đơn/  *Bill Payment Trasfer* |  | | Chuyển tiền thanh toán thuế/  *Taxes and duties Payment Transfer* |  | | Thanh toán lương/  *Salary Payment* |  | | Thanh toán theo lô/  *Bulk Payment* |  | | Dịch vụ thanh toán Host-to-host/  *Host-to-host payment* |  | | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu/  *Virtual Accounts* |  | | Dịch vụ quản lý vốn tập trung/  *Centralized Capital Management* |  | |

1. **Mục 3**: **Hướng dẫn đăng ký hạn mức giao dịch**

***Section 3:*** ***Register transaction limit.***

1. Áp dụng hạn mức giao dịch tối đa theo quy định của VPBank cho tất cả các TKTT và Người sử dụng dịch vụ trừ các trường hợp Khách hàng có đăng ký khác.

*If the Customer does not have any other registration, automatically apply maximum limit in VPBank’s policy fo all current accounts and service users.*

1. Nếu Khách hàng có đăng ký khác thì tùy vào nhu cầu của Khách hàng để hướng dẫn như sau/ *If the Customer has other registrations*:

* Nếu Khách hàng không có nhu cầu cài đặt cụ thể theo từng TKTT hoặc Người sử dụng Dịch vụ cụ thể, Khách hàng chỉ cần điền số tiền cần đăng ký hạn mức giao dịch theo ngày/lần vào cột số tiền tương ứng với dịch vụ cần đăng ký/ *If Customer does not need to set limit for current account/user specifially, the Customer only needs to input amount in Amount column, at the box for relevant Service.*

Ví dụ/ *For example*:

* Nếu có nhu cầu cài đặt cụ thể theo TKTT hoặc Người sử dụng Dịch vụ, Khách hàng cần điền số tiền đăng ký hạn mức sử dụng theo ngày/lần vào cột số tiền, và điền số TKTT/Người sử dụng Dịch vụ tương ứng với dịch vụ cần đăng ký. Trường hợp muốn đăng ký cho nhiều TKTT/Người sử dụng Dịch vụ, ngăn cách bằng dấu “ , “./*If Customer has a need to set limit for current account/user specifially, the Customer needs to fill in the daily/time usage limit registration amount in the amount column, and fill in the Account/Service User number corresponding to the service to be registered. In case the Customer wants to register multiple accounts/Service users, separate them with " , ".*

Ví dụ/ *For example*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạn mức/**  ***Limit*** | **Dịch vụ/**  ***Service*** | **Số tiền**  **( triệu VND)/**  ***Amount (million VND)*** | **TKTT/**  ***Current account*** | **Người dung/ *User*** |
| Hạn mức ngày/ *Daily limit* | Chuyển tiền giữa các TKTT của Khách hàng/ *Own Account Transfer* | 1000 | 1234567,  5678901 |  |
| Chuyển tiền đến TKTT khác trong VPBank/ *Transfer within VPBank* | 500 |  | NGUYEN THINH VUONG 1,  NGUYEN THINH VUONG 2 |
| Chuyển tiền trong nước/  *Domestic Transfer* | 200 |  |  |
| Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* |  |  |  |
| Thanh toán thuế/  *Taxes and duties payment* |  |  |  |
| Thanh toán hóa đơn/  *Bill payment* |  |  |  |
| Thanh toán thẻ/  *Card payment* |  |  |  |
| Đề nghị phát hành L/C/  *Request for L/C issuance* |  |  |  |
| Đề nghị phát hành bảo lãnh /  *Request for Guarantee issuance* |  |  |  |
| Hạn mức từng lần/ *Single limit* | Đề nghị phát hành L/C/  *Request for L/C issuance* |  |  |  |
| Đề nghị phát hành bảo lãnh /  *Request for Guarantee issuance* |  |  |  |
| Giao dịch đơn/  *Single transaction* |  |  |  |

Lưu ý: Thông tin đăng ký TKTT và dịch vụ tại đây phải tương ứng với Mục 2.

*Note: Information registered current accounts and services here must be in correspondence to Section 2.*

1. **Mục 4**: **Hướng dẫn đăng ký thông tin Người sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz Plus:**

***Section 4: Instructions on how to register information about VPBank NEOBiz Plus Service User***

1. Trường hợp Đăng ký Người sử dụng dịch vụ đồng thời là Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Khách hàng tích chọn vào ô tương ứng và điền thông tin vào Mục 4.1.

*In case the service user is also Chief Accountant/Person in charge of Accounting, the Customer tick in the corresponding box and fill information in Section 4.1.*

1. Hướng dẫn đăng ký thông tin của từng Người sử dụng dịch vụ/ *Instructions on how to register information for each service user*:

* Ngoại trừ Dịch vụ truy vấn, đối với các dịch vụ khác mà KH đăng ký tại Phụ lục này thì Khách hàng cần đăng ký đảm bảo các giao dịch khi thực hiện trên Hệ thống phải bao gồm tối thiểu một Người sử dụng Dịch vụ có chức năng lập lệnh, một Người sử dụng Dịch vụ có chức năng duyệt lệnh và là những người khác nhau, không được trùng thông tin/ *Apart from inquiry activities, for other services that the Customer registers in this Annex, the Customer needs to register to ensure that transactions performed on the System must include at least one Service User with the function of making orders, one User with the function of approving orders and they are as 2 different people with different identity information*.
* Đối với Khách hàng được pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank: giải thích cho KH rằng KH có thể đăng ký 01 Người sử dụng Dịch vụ có chức năng Lập lệnh và duyệt lệnh và phải là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản/ *If the Customer has simple accounting policy allowe by the Law and in accordancce with VPBank’s policy: The Customer can register 01 Service User with the function of making and approving orders and must be a legal representative of account Holder.*

1. Liên quan đến đăng ký chức năng của Người sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz Plus, lưu ý hướng dẫn Khách hàng/ *When registering function for VPBank NEOBiz Plus User:*

* Trường hợp Khách hàng được đăng ký 1 người sử dụng Dịch vụ có chức năng Lập lệnh và duyệt lệnh: Giao dịch được khởi tạo bởi Người sử dụng Dịch vụ sẽ được gửi đến Ngân hàng ngay sau khi khởi tạo thành công/ *In case the Customer is registered as a Service user with the function of Making orders and approving orders: Transactions initiated by the Service User will be sent to the Bank immediately after successful initiation.*
* Trường hợp chỉ đăng ký 1 Người duyệt lệnh thì Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán hoặc người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền sẽ thực hiện chức năng lập lệnh và người dùng duyệt lệnh phải là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản*/ In case only 1 Approver is registered, the Chief Accountant/Person in charge of accounting or the person authorized by the Chief Accountant/Person in charge of accounting shall perform the function of making orders and the order approving user must be the legal representative of the Account Holder.*
* Trường hợp Khách hàng đăng ký từ 2 người duyệt lệnh trở lên và duyệt theo thứ tự cần điền rõ thứ tự duyệt của từng Người sử dụng Dịch vụ có chức năng Duyệt lệnh/*If the Customer registers more than 2 approvers and approve them in order, please clearly fill in the approving order of each Service User with the the fuction of approving orders.*

Ví dụ: Khách hàng có 2 người duyệt lệnh NGUYEN VAN A và NGUYEN VAN B, giao dịch cần được duyệt bởi người duyệt NGUYEN VAN A trước, sau đó mới được duyệt bởi người duyệt NGUYEN VAN B, Khách hàng cần điền thứ tự duyệt cho NGUYEN VAN A là 1, thứ tự duyệt cho NGUYEN VAN B là 2.

*For example: The Customer has 2 authorizers NGUYEN VAN A and NGUYEN VAN B, transactions must be authorized by NGUYEN VAN A first, and by NGUYEN VAN B last. Approving order for NGUYEN VAN A should be filled as 1, and approving order for NGUYEN VAN B should be filled as 2.*

* Hướng dẫn Khách hàng đăng ký chức năng của Người dùng áp dụng cho dịch vụ tài trợ thương mại tương ứng với nhu cầu Nguyên tắc phê duyệt của Khách hàng/ *Guide the Customer to register User’s functions applicable to trade finance service corresponding to the Customer’s need of approval rules:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Luồng duyệt/ *Approval workflow*** | **Đăng ký/ *Registration*** |
| Lập lệnh 🡪 Duyệt đơn/ duyệt kép  *Making orders🡪 Approving orders/Dual approval* | - Không đăng ký Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận/ *Order-approving User with the function of verifying is not registered.*  - Đăng ký 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt đơn.  *01 order-approving user with the function of approving transactions for single approval is registered.*  - Đăng ký 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt kép.  *02 order-approving users with the function of approving transactions for dual approval are registered.* |
| Lập lệnh 🡪 Xác nhận 🡪 Duyệt đơn/ duyệt kép  *Making orders 🡪 Verification🡪 Approvings orders/ Dual approval* | - Đăng ký tối thiểu 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận  *At least 1 order-approving user to with the function of verifying is registered.*  - Đăng ký 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt đơn.  *1 order-approving user with the function of approving transactions for single approval is registered.*  - Đăng ký 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt kép.  *02 order-approving users with the function of approving transactions for dual approval are registered.* |

Hạn mức phê duyệt: Sau khi tích chọn theo hướng dẫn trên, Khách hàng điền hạn mức phê duyệt vào phần “…”, nếu có. /Approver limit: After selecting, Please input the approver limit in “…” (if any).

1. Trường hợp phát sinh đăng ký thêm Thông Tin Người sử dụng Dịch vụ, Đơn vị soạn thảo thực hiện bổ sung thêm nội dung giống Mục 4.1 và đánh số thứ tự từ nhỏ đến lớn phù hợp với số lượng Người sử dụng Dịch vụ Khách hàng đăng ký/ *If the Customer wants to register more users than available sections in the form, the Drafting Unit shall add another section similar to Section 4.1 and number it in ascending order in accordance with the quantity of users registered by the Customer.*
2. **Mục 5**: **Hướng dẫn đăng ký Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus**

***Section 5: Instructions on how to register VPBank NEOBiz Plus Admin***

- Khách hàng phải đăng ký tối thiểu 2 (hai) Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus để sử dụng các tính năng được thực hiện bằng hai bước nhập và duyệt bởi các Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus khác nhau trước khi yêu cầu được gửi tới cho VPBank/*The Customer must register a minimum of 2 (two) VPBank NEOBiz Plus Adminis to use the features which are performed by two steps of entry and approval by different VPBank NEOBiz Plus Admins before the request is sent to for VPBank.*

- Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus được thực hiện các tính năng theo chính sách của VPBank triển khai trong từng thời kỳ/ *VPBank NEOBiz Plus adminis are provided with features according to VPBank's policies deployed from time to time.*

**7. Mục 6**: **Hướng dẫn đăng ký nguyên tắc phê duyệt (không áp dụng cho Dịch vụ tài trợ thương mại)**

***Section 6: Instructions on how to register approval rules (not applicable to the Trade Finance Service)***

Trường hợp Khách hàng có nhu cầu đăng ký ma trận phê duyệt riêng cho dịch vụ, tài khoản, theo khoảng số tiền, Người Dùng Khách hàng điền thông tin vào bảng đăng ký ma trận phê duyệt/ *If the Customer needs to register for a specific approval workflow for the service or account, according to the amount, please fill in the information in the approval workflow registration table.*

Ví dụ/*For example:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho/ *Applicable for*** | | **Số lượng người duyệt**  ***No. of approvers*** | **Số tiền (triệu VND)**  ***Amount (million VND)*** | | **Người Dùng duyệt lệnh/**  ***Order approving User*** |
| **Dịch vụ/ *Service*** | **Tài khoản/Thẻ**  ***Account/Card*** | **Từ**  ***From*** | **Đến**  ***To*** |
| Chuyển tiền quốc tế/ *International Transfer* | 66668888 | **2** | 1 | Không giới hạn/ *Maximum* |  |

Hoặc/ *Or*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho/ *Applicable for*** | | **Số lượng người duyệt/**  ***No. of approvers*** | **Số tiền (triệu VND)**  ***Amount (million VND)*** | | **Người Dùng duyệt lệnh/**  ***Order approving User*** |
| **Dịch vụ/ *Service*** | **Tài khoản/Thẻ**  ***Account/Card*** | **Từ**  ***From*** | **Đến**  ***To*** |
| Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* | 66668888 | **1** | 1 | 199 |  |
| Chuyển tiền quốc tế/  *International Transfer* | 66668888 | **2** | 200 | Không giới hạn/  *Maximum* |  |

Hoặc đăng ký nguyên tắc phê duyệt theo khoảng số tiền/ *Or workflow in amount range*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho/ *Applicable for*** | | **Số lượng người duyệt/**  ***No. of approvers*** | **Số tiền (triệu VND)**  ***Amount (million VND)*** | | **Người Dùng duyệt lệnh/**  ***Order approving User*** |
| **Dịch vụ/ *Service*** | **Tài khoản/Thẻ**  ***Account/Card*** | **Từ**  ***From*** | **Đến**  ***To*** |
|  |  | **1** | 1 | 499 |  |
|  |  | **2** | 500 | Không giới hạn/  *Maximum* |  |

Hoặc đăng ký nguyên tắc phê duyệt theo khoảng số tiền và Người Dùng duyệt lệnh/

*Or workflow in amount range and the order-approving User:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho/ *Applicable for*** | | **Số lượng người duyệt/**  ***No. of approvers*** | **Số tiền ( triệu VND)**  ***Amount (million VND)*** | | **Người Dùng duyệt lệnh/**  ***Order approving User*** |
| **Dịch vụ/ *Service*** | **Tài khoản/Thẻ**  ***Account/Card*** | **Từ**  ***From*** | **Đến**  ***To*** |
| Chuyển tiền/  *Transfer* | 123456 | **1** | 1 | 499 | NGUYEN THINH VUONG 1 (thứ tự duyệt lệnh 1/ *approving order 1*) hoặc NGUYEN THINH VUONG 2 (thứ tự duyệt lệnh 1/ *approving order 1*) |
| Chuyển tiền/  *Transfer* |  | **2** | 500 | Không giới hạn/  *Maximum* | NGUYEN THINH VUONG 3 (thứ tự duyệt lệnh 1/ *approving order 1*) 🡪 NGUYEN THINH VUONG 4 (thứ tự duyệt lệnh 2/ *approving order 2*) |

Lưu ý/*Note:*

* Thông tin đăng ký TKTT và dịch vụ tại đây phải tương ứng với Mục 2/ *Information registered here should be in correspondence with Section 2*
* Trường hợp Khách hàng đăng ký Nguyên tắc phê duyệt khác thì Nguyên tắc phê duyệt khác này không áp dụng cho các TKTT, Thẻ, Tiền gửi mở mới của Khách hàng tại VPBank, Quý khách hàng vui lòng đăng ký nguyên tắc phê duyệt cho các TKTT, Thẻ, Tiề gửi mở mới tại thời điểm mở./ *If the customer registers a different approval principle, this different approval principle will not automatically apply to new opened Current Accounts, Cards, Deposits at VPBank. Please register the approval principle for new opened current Accounts, Cards, Deposits at the time of opening.*

**8.** Các nội dung khác nếu chưa rõ: Đơn vị liên hệ với Phòng số hóa KHDN – Khối FMTB để được hướng dẫn chi tiết/ *Other unclear contents: Please contact the Department of Digitalization for Corporate Customers - FMTB Division for detailed instructions.*

**III. CHỈNH SỬA MẪU BIỂU/ *FORM AMENDMENT***

Hạn chế sửa đổi, thêm, bớt nội dung tại Phụ lục này. Trường hợp xét thấy cần chỉnh sửa hoặc Khách hàng yêu cầu chỉnh sửa, Đơn vị thực hiện chỉnh sửa và phê duyệt theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ./ *Amendment, supplement, or removal of content in this Annex should be avoided. If the amendment is needed or requested by the Customer, the Unit shall amend and approve in accordance with VPBank's regulations from time to time*.

1. Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus là phiên bản nâng cấp của Dịch vụ VPBank NEOBiz được VPBank cung cấp trên Hệ thống CMP. /*VPBank NEOBiz Plus Service is an upgraded version of VPBank NEOBiz Service provided by VPBank on the CMP System.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Khách hàng chỉ được sử dụng dịch vụ Chuyển tiền quốc tế nếu đáp ứng các điều kiện sử dụng dịch vụ Chuyển tiền quốc tế trên internet banking. / *International Transfer is applicable only when Customers meets all the conditions applied for the service on Internet Banking.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Khách hàng chỉ được sử dụng dịch vụ nếu có thẻ ghi nợ và/hoặc thẻ tín dụng mở tại VPBank. / *Services are applicable only Customers open debit cards and/or credit cards at VPBank.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Khách hàng chỉ được sử dụng các dịch vụ này nếu đã ký các hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ tương ứng với VPBank. / *Services are applicable only when Customers sign relevant service contracts/agreements with VPBank.* [↑](#footnote-ref-4)
5. Áp dụng cho thanh toán theo lô, thanh toán lương: Khi trong file chứa cả các giao dịch hợp lệ và không hợp lệ, cho phép tiếp tục xử lý các giao dịch hợp lệ mà không bị dừng toàn bộ file. / *Applicable to bulk payment and salary payment: When the file contains both valid and invalid transactions, it is allowed to continue processing of valid transactions without stopping the entire file.* [↑](#footnote-ref-5)
6. Bao gồm các TKTT, Thẻ mở theo hoặc được liệt kê tại Giấy đề nghị. / *Current accounts and Cards that are opened as requested or listed in Request.* [↑](#footnote-ref-6)
7. Trường hợp này Khách hàng vui lòng tích chọn cả 2. / *In this case please tick in both boxes* [↑](#footnote-ref-7)
8. Trường hợp đăng ký Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán là Người sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus, Khách hàng đăng ký tại Mục 4.1 này và tích chọn tại đây; đồng thời đảm bảo khớp đúng với thông tin Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán tại hồ sơ mở, sử dụng TKTT. / *Choose if user belongs to Chief Accountant/ Person in charg of Accounting as mentioned in Accounts open and use registration.* [↑](#footnote-ref-8)
9. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

   - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

   - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

   - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

   - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-9)
10. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-10)
11. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-11)
12. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-12)
13. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law.* [↑](#footnote-ref-13)
14. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality*.* [↑](#footnote-ref-14)
15. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. / *Only applicable to Customers that is allowed by the Law to use simple accounting policy and in accordance with VPBank’s policy, the Service User is the legal representative of the Account Holder.* [↑](#footnote-ref-15)
16. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. / *Only required when Customers needs approval in specific order.* [↑](#footnote-ref-16)
17. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép*. / Trade Finance Service including: (i) Online Guarantee, (ii) Online L/C, mandatory requirement of Digital signature is the transaction authentication method applied to Approvers with the function of Single Appoval or Dual Approval.* [↑](#footnote-ref-17)
18. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I./ *Accounts listed here must be aligned with those listed at Section 2 – Part I.* [↑](#footnote-ref-18)
19. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###./ *After Salary file is uploaded, amount is displayed in user’s screen as ###* [↑](#footnote-ref-19)
20. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-20)
21. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-21)
22. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-22)
23. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-23)
24. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law.* [↑](#footnote-ref-24)
25. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality*.* [↑](#footnote-ref-25)
26. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. / *Only applicable to Customers that is allowed by the Law to use simple accounting policy and in accordance with VPBank’s policy, the Service User is the legal representative of the Account Holder.* [↑](#footnote-ref-26)
27. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. / *Only required when Customers needs approval in specific order.* [↑](#footnote-ref-27)
28. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép*. / Trade Finance Service including: (i) Online Guarantee, (ii) Online L/C, mandatory requirement of Digital signature is the transaction authentication method applied to Approvers with the function of Single Appoval or Dual Approval.* [↑](#footnote-ref-28)
29. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I./ *Accounts listed here must be aligned with those listed at Section 2 – Part I.* [↑](#footnote-ref-29)
30. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###./ *After Salary file is uploaded, amount is displayed in user’s screen as ###* [↑](#footnote-ref-30)
31. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-31)
32. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-32)
33. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-33)
34. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-34)
35. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law.* [↑](#footnote-ref-35)
36. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality*.* [↑](#footnote-ref-36)
37. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. / *Only applicable to Customers that is allowed by the Law to use simple accounting policy and in accordance with VPBank’s policy, the Service User is the legal representative of the Account Holder.* [↑](#footnote-ref-37)
38. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. / *Only required when Customers needs approval in specific order.* [↑](#footnote-ref-38)
39. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép*. / Trade Finance Service including: (i) Online Guarantee, (ii) Online L/C, mandatory requirement of Digital signature is the transaction authentication method applied to Approvers with the function of Single Appoval or Dual Approval.* [↑](#footnote-ref-39)
40. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I./ *Accounts listed here must be aligned with those listed at Section 2 – Part I.* [↑](#footnote-ref-40)
41. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###./ *After Salary file is uploaded, amount is displayed in user’s screen as ###* [↑](#footnote-ref-41)
42. Khách hàng đăng ký tối thiểu 02(hai) Người dùng Quản trị viên trên VPBank NEOBiz Plus/ *Customers register a minimum of 02 (two) Admin Users on VPBank NEOBiz Plus.* [↑](#footnote-ref-42)
43. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-43)
44. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-44)
45. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-45)
46. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-46)
47. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law.* [↑](#footnote-ref-47)
48. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality*.* [↑](#footnote-ref-48)
49. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-49)
50. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-50)
51. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-51)
52. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-52)
53. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law.* [↑](#footnote-ref-53)
54. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality*.* [↑](#footnote-ref-54)